

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 3 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;
2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh L1, sinh năm 1975.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L2, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 538, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị L1 có mặt. Anh L2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Thanh L1 trình bày:***

Chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi anh chị chung sống với nhau, anh chị có

quen biết và tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối.

Trong thời gian chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến do anh L2 có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy với chị, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, anh L2 đánh chị nhiều lần. Anh chị đã sống ly thân đến nay được khoảng 07 đến 08 tháng. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 có ba con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004. Hiện nay, Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Thị Ngọc L đã thành niên và có khả năng lao động; cháu Nguyễn Trường G đang học lớp 11 tại Trường THPT Thanh Bình 2 và sống với anh L2.

Nay chị Võ Thị Thanh L1 yêu cầu giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Chị Võ Thị Thanh L1 yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tấn L2.

- *Về con chung*: Chị Võ Thị Thanh L1 thống nhất giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 cho anh Nguyễn Tấn L2 được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên. Đối với Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998, đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn L2 có văn bản trình bày*:

Chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi anh chị chung sống với nhau, anh chị có quen biết và tìm hiểu trước khoảng 01 năm. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối.

Nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn theo chị L1 trình bày là không đúng. Trong thời gian chị L1 và anh L2 chung sống thì chị L1 hay ghen tuông vô cớ, nên anh buồn và bỏ nhà đi làm, anh L2 không có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đánh chị L1 như chị L1 trình bày. Vợ chồng anh chị ly thân đến nay khoảng 05 tháng. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 có ba con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004. Hiện nay, Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Thị Ngọc L đã thành niên và có khả năng lao động; cháu

Nguyễn Trường G đang học lớp 11 tại Trường THPT Thanh Bình 2 và sống với anh L2.

Nay anh Nguyễn Tấn L2 có ý kiến như sau:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Tấn L2 đồng ý ly hôn với chị Võ Thị Thanh L1.

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Tấn L2 thống nhất nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 đến khi thành niên. Anh Nguyễn Tấn L2 không yêu cầu chị Võ Thị Thanh L1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998, đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh L1: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 cho anh Nguyễn Tấn L2 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu G thành niên. Chị Võ Thị Thanh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Tấn L2 không yêu cầu. Đối với Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998, đã thành niên và có khả năng lao động, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và nợ chung: Không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 của chị Võ Thị Thanh L1 (bản chính).

- Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 13/03/1992; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 (bản sao có chứng thực).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Võ Thị Thanh L1 (bản sao có chứng thực).

- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).

- Bản khai của cháu Nguyễn Trường G (bản chính).

- Xác nhận ngày 19/02/2021 của Công an xã 2 (bản chính).

- Xác nhận ngày 24/02/2021 của UBND xã 2 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh L1 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Tấn L2 cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tấn L2 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L2 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 chung sống với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Mặt khác, chị L1 xác định: Trong thời gian chị L1 và anh L2 chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến do anh L2 không chung thủy, thường xuyên cãi vã, anh L2 đánh chị nhiều lần; còn anh L2 xác định: Trong thời gian chị L1 và anh L2 chung sống với nhau thì chị L1 ghen tuông vô cớ, làm anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay, anh chị không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống được.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thanh L1, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2 có ba con chung tên Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992; Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004. Hiện nay, Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Thị Ngọc L đã thành niên và có khả năng lao động; Nguyễn Trường G đang học lớp 11 tại Trường THPT Thanh Bình 2 và sống với anh L2. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L1 và anh L2 thống nhất

giao cháu G cho anh L2 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Mặt khác, để đảm bảo cho cháu G được phát triển bình thường và ổn định. Nên ghi nhận sự tự nguyện của anh chị, giao cháu G cho anh L2 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu G thành niên là phù hợp. Đối với Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992 và Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 20/6/1998, đã thành niên và có khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Tấn L2 không yêu cầu chị Võ Thị Thanh L1 cấp dưỡng nuôi con chung, chị L1 không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L1 và anh L2 đều xác định về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận và nợ chung: không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Võ Thị Thanh L1 phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thanh L1.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị Thanh L1 và anh Nguyễn Tấn L2.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Võ Thị Thanh L1 thống nhất giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 cho anh Nguyễn Tấn L2 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu G thành niên.

Anh Nguyễn Tấn L2 thống nhất tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 29/12/2004 đến khi cháu G thành niên.

Đối với Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 15/03/1992 và Nguyễn Thị Ngọc

L, sinh ngày 20/6/1998, đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Nguyễn Tấn L2 không yêu cầu chị Võ Thị Thanh L1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Võ Thị Thanh L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006864 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Võ Thị Thanh L1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tấn L2 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Bạch Phiến